

Bản án số: 133/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06-5-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Chi Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Bích Liên.

2. Ông Phạm Văn Hợp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Triều - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Phan Ngọc Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 332/2019/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HNGD ngày 02 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Tuyền E**, sinh năm 1984; (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp NCh, xã BĐ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: **Phạm Hải Ph**, sinh năm 1982; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp NCh, xã BĐ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Tuyền E trình bày: Chị và anh Phạm Hải Ph có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã BĐ, thị xã GC cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2010. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh Ph có quan hệ với người phụ nữ khác, cờ bạc dẫn đến nợ nần, vợ chồng thường xuyên cự cãi chị đã cho anh Ph cơ hội nhưng anh vẫn không thay đổi. Nay tình cảm không thể hàn gắn, chị yêu cầu được ly hôn với anh Ph.

Về con chung: Có một người con chung tên Phạm Hải Đ, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2012. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải của bị đơn là anh Phạm Hải Ph trình bày: Anh thống nhất lời trình bày của chị Tuyền E về thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh có quan hệ với người phụ nữ khác, trong một năm anh

đã cố gắng thay đổi. Do anh còn thương vợ và mong muốn được hàn gắn, nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất lời trình bày của chị E về con chung. Không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về con. Nếu Tòa giải quyết ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị Tuyên E cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 27 luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân; các điều 21, 22, 26, 35, 46, 48, 49, 51, 63, 68, 70, 71, 72, 73, 92, 96, 97 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án và đương sự tuân theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị E được ly hôn với anh Ph; về con chung giao cháu Đ cho chị E trực tiếp nuôi, anh Ph không phải cấp dưỡng; về tài sản chung và về nợ chung: Không xem xét; về án phí áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH thì chị E chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Tuyên E khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Phạm Hải Ph là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Ph đã được Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị E. Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị E với anh Ph là tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã BD, thị xã Gò Công cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2010 là hợp pháp. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Ph có quan hệ tình cảm với người khác, anh Ph mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh không có giải pháp gì để vợ chồng hàn gắn lại tình cảm. Do đó, việc chị E ly hôn anh Ph là phù hợp với qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh chị có một người con chung tên Phạm Hải Đ, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2012. Khi ly hôn, chị E yêu cầu được trực tiếp nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, qua kết quả xác minh tại địa phương nơi chị E, anh Ph cư trú thì từ khi sinh ra cho đến nay cháu Đ đều do chị E trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị E có công việc ổn định và cháu Đ có nguyện vọng được sống với mẹ. Như vậy, để cháu Đ phát triển ổn định, toàn diện thì việc giao cháu Đ cho chị E trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị E chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;
- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyền E.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyền E được ly hôn với anh Phạm Hải Ph.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tuyền E được trực tiếp nuôi một người con chung tên Phạm Hải Đ, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2012.

Anh Phạm Hải Ph không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Trong trường hợp cần thiết thì chị Nguyễn Thị Tuyền E và anh Phạm Hải Ph có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nếu có.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tuyền E chịu 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*) và được trừ vào số tiền 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị Nguyễn Thị Tuyền E đã tạm ứng án tại biên lai số 43440 ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Nguyễn Thị Tuyền E đã nộp xong án phí.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Án tuyên và kết thúc cùng ngày.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhân:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công;
- UBND xã BĐ;
- Đương sự;
- Lưu hs, án văn. Ln 12.

VÕ CHI LAN

